TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-PT
Ngày : 22 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2021/QĐXX -PT ngày 15 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp Bằng T, xã Mỹ Thạnh T, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Văn Công C, sinh năm 1943, địa chỉ: ấp Bằng T, xã Mỹ Thạnh T, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Văn Thanh L, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp Bằng T, xã Mỹ Thạnh T, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 2015 đến ngày 05/6/2017 bà và ông C có lập văn bản thỏa thuận trồng chuối trên 25 công đất vườn của ông C, nội dung thỏa thuận ông C bỏ công sức và 25 công đất vườn còn bà D thì bỏ công sức, vốn đầu tư và máy móc (máy cắt cỏ, máy cắt cây ...), đến khi thu hoạch chuối thì chia đôi số tiền, hợp đồng được tính từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2022.

Tháng 9/2018 chuối bắt đầu cho thu hoạch, hàng ngày bà cắt lá và trái bán lấy tiền chia đôi với ông C. Đến tháng 6/2019 thì con của ông C là anh Văn Thanh L ngăn cản không cho bà thu hoạch chuối và chửi bới đánh đuổi bà đi làm thiệt hại đến quyền lợi của bà cụ thể như sau: 25 công đất trồng 3.000 cây chuối x 50.000 đồng/cây = 150.000.000 đồng, tiền phân bón đầu tư 40 bao x 600.000 đồng/bao = 24.000.000 đồng. Tổng cộng thiệt hại 174.000.000 đồng, nên ông C phải có trách nhiệm trả cho bà một nửa là 87.000.000 đồng nhưng làm tròn là 80.000.000 đồng.

Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ông C trả cho bà 80.000.000 đồng. Đối với máy cắt cỏ trị giá 2.000.000 đồng, máy cưa cây 3.000.000 đồng, xe máy Yamaha Taurus 12.500.000 đồng bà mua để phục vụ cho việc trồng chuối hiện nay bà đang quản lý số tài sản này và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Văn Công C trình bày: Ông thừa nhận có làm tờ thỏa thuận trồng chuối như bà D đã trình bày, nhưng đất vườn của ông chỉ khoảng 2.500m^2 đã lên liếp sẵn, còn những phần đất khác là của con ông, họ đều đi làm xa nên ông quản lý. Mỗi lần bán chuối được khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng thì chia đôi với bà D. Thu hoạch được vài mùa thì vườn chuối đã bị hư hại nhiều, hiện tại vườn chuối bị bỏ hoang không người chăm sóc nên bị hư hại không có thu hoạch. Số chuối trồng trong vườn là do ông C bứng từ mảnh vườn có sẵn ra trồng. Trong quá trình làm vườn thì ông C có thấy bà D mua máy cắt cỏ, mua máy cưa cây, mua xe máy hiệu Yamaha Taurus nhưng không biết giá. Ngoài ra bà D không bỏ thêm chi phí nào để cải tạo vườn chuối. Giữa ông và bà

D có tình cảm với nhau nên lập tờ thỏa thuận trên chỉ nhằm để hai bên thuận tiện tới lui chăm sóc nhau. Nay ông không chấp nhận yêu cầu của bà D đòi ông bồi thường 80.000.000 đồng. Tuy nhiên ông tự nguyện hỗ trợ cho bà 20.000.000 đồng, đối với máy cưa cây, máy cắt cỏ, xe máy Yamaha Taurus bà D đang quản lý sử dụng ông không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Văn Thanh L trình bày:

Phần đất gia đình anh chỉ có 2,5 công chứ không phải 25 công như bà D trình bày. Bà D và ông C tự ý thỏa thuận với nhau việc trồng chuối gia đình không ai hay biết nên anh em của anh không đồng ý cho bà D tiếp tục trồng chuối.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân Tam B, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D.

Buộc ông Cưng phải trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 5.224.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Văn Công C bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000 đồng (trong đó hỗ trợ tiền phân theo hóa đơn là 5.224.000 đồng, còn lại 14.776.000 đồng là hỗ trợ thêm chi phí và công sức bà D cải tạo vườn chuối).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà D tương ứng với số tiền 74.776.000 đồng**.**

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2020 bà Phạm Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông C trả cho bà số tiền 80.000.000đồng tiền công sức và vốn bà bỏ ra để trồng chuối với ông C.

Trong quá trình thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm, ông C có đến Tòa án trình bày ý kiến như sau: thống nhất hủy bỏ "Tờ thỏa thuận trồng chuối" giữa ông với bà D lập vào tháng 6/2017, ông đồng ý bồi thường cho bà D tiền công sức và vốn bà D đầu tư vào vườn chuối là 80.000.000 đồng. Ông C xin vắng mặt không

dự phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D thống nhất ý kiến của ông C.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư khý, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà D: hủy bỏ tờ thỏa thuận trồng chuối, công nhận sự tự nguyện của ông C về việc bồi thường cho bà D 80.000.000 đồng, ông C được miễn tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/7/2020 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án đến ngày 31/7/2020 bà Phạm Thị D có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Cưng có đơn xin vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ dự phiên tòa xét xử lần 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 05/6/2017 giữa bà D và ông C có ký tờ "Thoả thuận trồng chuối" điều này là có thật đã được các đương sự thừa nhận, theo đó bà D và ông C cùng hợp tác bỏ công sức và tiền vốn vào đầu tư trồng chuối trên đất của ông C, huê lợi thu được chia đôi, nếu bể hợp đồng (tức ông C không cho bà D thu hoạch chuối) thì ông C bồi thường gấp 2 lần công sức và tiền vốn bà D bỏ ra. Nay con ông C không cho bà D thu hoạch chuối nên bà khởi kiện đòi ông C bồi thường cho bà số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh

chấp "Hợp đồng hợp tác" theo quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Đòi tài sản" là không chính xác nên cần sửa lại cho đúng quan hệ pháp luật.

[2] Về nội dung:

Thể hiện tại "Tờ thỏa thuận trồng chuối" giữa bà D với ông C lập vào tháng 6/2017, nếu "bể hợp đồng" tức ông C chấm dứt hợp đồng không cho bà D thu hoạch chuối thì ông phải bồi thường cho bà gấp 02 lần tiền công sức và vốn mà bà đã đầu tư vào vườn chuối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến tháng 6/2019 gia đình ông C không cho bà D tiếp tục thu hoạch chuối.

Bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích đất mà bà và ông C trồng chuối là 25 công (25.000m^2). Qua tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cho thấy ông C chỉ có phần đất thuộc thửa 201, tờ bản đồ 21, diện tích 8.978m^2 tại ấp Bằng T, xã Mỹ Thạnh T, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long ngoài ra còn phần đất nào khác. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông C tự nguyện bồi thường cho bà D tiền vốn và công sức bà đầu tư trồng chuối là 80.000.000 đồng. Bà D cũng đồng ý hủy bỏ hợp đồng trồng chuối, đồng ý nhận số tiền ông C bồi thường tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Xét kháng cáo của bà D có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị D. Sửa bản án sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Tam B.

Căn cứ vào các điều 504, 507, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Phạm Thị D với bị đơn Văn Công C như sau:

Hủy bỏ hợp đồng hợp tác tức "Tờ thỏa thuận trồng chuối" giữa bà Phạm Thị D với ông Văn Công C lập tháng 6/2017.

Ông Văn Công C có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Thị D tiền vốn và công sức đầu tư vào vườn chuối là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm:

Ông Văn Công C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Phạm Thị D tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.175.000 đồng theo biên lai thu số 0012287 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện Tam Bình.

2.2 Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà D tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010392 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi